

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày: 29 - 7 - 2019.

“V/v Tranh chấp hợp đồng
đại lý Bảo hiểm”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm;

Ông Lý Thanh Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng đại lý Bảo hiểm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng Công ty B;

Địa chỉ: Tầng 37 Keangnam Hanoi Lanmark Tower, đường Phạm H, quận Nam Từ L, thành phố Hà N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H; Cư trú tại: Số 2, đường Lê D, phường , thành phố Sóc T, tỉnh Sóc T – Theo Giấy ủy quyền số: 54/2018/BVNT ngày 05/12/2018 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Công Đ; Cư trú tại: Ấp Phước A, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Tổng Công ty B cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Ông Nguyễn Công Đ là đại lý bảo hiểm của Công ty B theo hợp đồng đại lý ký ngày 06/11/2007, ký lại ngày 06/11/2017. Theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng

đại lý phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm được B ủy quyền cho ông Nguyễn Công Đ bao gồm:

- Tiến hành giới thiệu chào hàng bán sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.
- Thu phí bảo hiểm định kỳ cho khách hàng theo sự phân công của Công ty B.

Tháng 5 năm 2018 Bảo Việt Nhân t phát hiện ông Nguyễn Công Đ thu phí, giao hóa đơn thu phí cho khách hàng, nhưng không nộp số tiền đã thu về Công ty B mà chiếm dụng số tiền nêu trên để sử dụng cho mục đích cá nhân. Quá trình xác minh cho thấy ông Nguyễn Công Đ đã thu 105.639.828 đồng tiền phí bảo hiểm của khách hàng, nhưng không nộp về Công ty theo quy định. Ngày 17/5/2018, ông Nguyễn Công Đ đã khắc phục được 28.310.500 đồng, còn lại 77.329.328 đồng chưa nộp về Công ty.

Để đảm bảo quyền lợi cho khách hàng B đã ghi nhận phí đối với 11 hợp đồng bảo hiểm mà khách hàng đã nộp cho ông Nguyễn Công Đ và gửi thông báo cho khách hàng về việc B đã cập nhật toàn bộ số phí theo hóa đơn mà khách hàng đang nắm giữ.

Theo quy định tại khoản 9.1 Điều 9 Hợp đồng đại lý “Mọi khoản tiền đóng cho Hợp đồng bảo hiểm mà đại lý được phép thu từ khách hàng trong phạm vi ủy quyền theo hợp đồng này sẽ thuộc sở hữu của Bảo Việt Nhân thọ, đại lý không được chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với các khoản tiền này và phải nộp lại các khoản tiền cho B trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ khi nhận được từ khách hàng”. Như vậy, ông Nguyễn Công Đ đã vi phạm Hợp đồng đại lý và chiếm dụng bất hợp pháp 77.329.328 đồng thuộc quyền sở hữu của B.

Căn cứ khoản 8.11 Điều 8 Hợp đồng đại lý và Sổ tay xử lý vi phạm đại lý, ngày 17/7/2018 Tổng Công ty B đã ban hành quyết định xử lý vi phạm đối với ông Nguyễn Công Đ với hình thức xử lý vi phạm chính: Chấm dứt hợp đồng đại lý; Hình thức xử lý bổ sung: Đưa vào danh sách xử lý vi phạm của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam; Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đại lý phải hoàn trả cho Công ty B 77.329.328 đồng mà đại lý đã chiếm dụng tiền của khách hàng.

Ngày 30/8/2018, đại diện B là Công ty B Sóc T đã mời ông Nguyễn Công Đ lên làm việc; thông báo cho ông Đ về việc Bảo Việt Nhân thọ đã ghi nhận trước 77.329.328 đồng cho 11 khách hàng mà ông Đ đã thu nhưng không nộp về B; thống nhất số tiền ông Đ phải hoàn trả cho B là 61.984.328 đồng (do B khấu trừ 13.345.000 đồng tiền hoa hồng và 2.000.000 đồng tiền ký quỹ của ông Đ đang tạm giữ) và yêu cầu ông Đ phải hoàn trả toàn bộ số tiền còn nợ. Ông Đ đề xuất hoàn trả dần cho B định kỳ 500.000 đồng vào ngày mùng 10 hàng tháng cho đến khi hoàn trả hết 61.984.328 đồng, trường hợp ông Định có khoản thu nhập phát sinh sẽ hoàn trả nhiều hơn.

Ngày 26/9/2018, Tổng Công ty B ban hành Thông báo số 3730/BVNT-PCTT-KT với nội dung không chấp nhận đề nghị của ông Nguyễn Công Đ về phương án hoàn trả dần số tiền còn nợ cho B theo biên bản làm việc ngày

30/8/2018. Đề nghị ông Đ hoàn trả toàn bộ số tiền còn nợ là 61.984.328 đồng trước ngày 01/11/2018.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Công Đ phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 61.984.328 đồng và khoản lãi phát sinh 10%/năm, thời gian tính lãi được tính từ ngày 30/8/2018 (ngày ông Đ xác nhận trả số tiền trên cho B) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/7/2019) số tiền lãi là 5.621.044 đồng.

Tại biên bản hoà giải ngày 18 tháng 4 năm 2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Công Đ trình bày:

Bị đơn thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 61.984.328 đồng và khoản lãi phát sinh 10%/năm, số tiền lãi tính từ ngày 30/8/2018 đến hết ngày 15/01/2019 là 2.360.499 đồng, bị đơn thống nhất nhưng hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên bị đơn xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Tại phiên tòa bị đơn đồng ý trả số tiền 61.984.328 đồng nhưng bị đơn không đồng ý trả tiền lãi suất cho nguyên đơn do giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận khi thu tiền của khách hàng mà nộp tiền bảo hiểm chậm cho nguyên đơn thì phải tính lãi suất.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền thu bảo hiểm chưa nộp là 61.984.328 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng đại lý Bảo hiểm theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Công Đ, cư trú tại ấp Phước A, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, bị đơn ông Nguyễn Công Đ có ký hợp đồng với nguyên đơn. Trong quá trình thực hiện ông Đ đã vi phạm hợp đồng, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả tiền thu Bảo hiểm chưa nộp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng đại lý Bảo hiểm.

[3] Bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng với nguyên đơn thu tiền bảo hiểm của khách hàng nhưng không giao nộp cho nguyên đơn, hiện nay còn nợ nguyên đơn số tiền 61.984.328 đồng, nguyên đơn cũng thống nhất. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền thu bảo hiểm còn nợ của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 18 tháng 4 năm 2019 nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau cụ thể như sau: Bị đơn ông Nguyễn Công Đ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 61.984.328 đồng và khoản lãi phát sinh 10%/năm, thời gian tính lãi được tính từ ngày 30/8/2018 đến ngày 15/01/2019 số tiền 2.360.499 đồng, tổng cộng là 64.344.827 đồng; Thời gian trả: Trả dứt nợ vào ngày 30/12/2019; Địa điểm trả tiền: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Kể từ ngày đến hạn thanh toán mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền gốc chậm thi hành án; Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Công Đ đồng ý chịu là 1.608.620 đồng; Nguyên đơn Tổng Công ty B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.608.620 đồng, theo biên lai số 0003609 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi lập biên bản xong, bị đơn đồng ý ký tên nhưng nguyên đơn không đồng ý ký tên, nguyên đơn cho rằng đây chưa phải là phương án cuối cùng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2019 nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiếp tục thông báo hòa giải, Tòa án đã triệu tập các đương sự 02 lần nhưng bị đơn vắng mặt, Tòa án lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được để đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền thu bảo hiểm chưa nộp cho nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại hợp đồng đại lý bảo hiểm ngày 06/11/2017 và tại biên bản làm việc ngày 30/8/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về lãi suất trong thời gian bị đơn vi phạm hợp đồng, nguyên đơn và bị đơn chỉ thống nhất với nhau là bị đơn còn nợ số tiền thu bảo hiểm chưa nộp cho nguyên đơn. Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/6/2019 của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng: Việc Tổng Công ty B yêu cầu tính tiền lãi đối với ông Nguyễn Công Đ là căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 chứ từ trước đến nay giữa Tổng Công ty B và ông Nguyễn Công Đ không có thỏa thuận nào liên quan đến số tiền ông Đ nợ Tổng Công ty B để tính tiền lãi buộc ông Đ phải trả. Như vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền lãi là không đúng quy định của pháp luật, nên không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa bị đơn xin trả số tiền nhiều lần, hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng trả một lần cho nguyên đơn được, do nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận theo yêu cầu của bị đơn.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty B, về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Công Đ trả số tiền thu bảo hiểm còn nợ. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn tiền lãi suất. Buộc bị đơn ông Nguyễn Công Đ có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền thu bảo hiểm chưa nộp còn nợ là 61.984.328 đồng (Sáu mươi một triệu, chín trăm tám mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi tám đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.608.620 đồng, theo biên lai thu số 0003609 ngày 19/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy nguyên đơn được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.308.620 đồng.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.099.216 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh